

Số: 1288025

| | Mazda CX-5 2.5L Signature Sport | Peugeot 408 Allure |
|--|---|---------------------------|
| Giá niêm yết: | 959.000.000đ | 1.019.000.000đ |
| KÍCH THƯỚC - KHỐI LƯỢNG: | | |
| Kích thước tổng thể (mm) | 4590 x 1845 x 1680 | 4687 x 1850 x 1510 |
| Chiều dài cơ sở (mm) | 2700 | 2787 |
| Bán kính quay vòng tối thiểu (mm) | 5500 | |
| Khoảng sáng gầm xe (mm) | 200 | 189 |
| Khối lượng không tải (kg) | 1630 | 1430 |
| Khối lượng toàn tải (kg) | 2080 | 1880 |
| Thể tích khoang hành lý (L) | 442 | 536 |
| Dung tích thùng nhiên liệu (L) | 58 | 52 |
| Số chỗ ngồi | 5 | 5 |
| Nguồn gốc | SX-LR trong nước | SX-LR trong nước |
| DẪN ĐỘNG - KHUNG GẮM: | | |
| Loại động cơ | 2.5L Skyactiv-G | 1,6 Turbo PureTech |
| Dung tích xi lanh (cc) | 2488 | 1598 |
| Công suất cực đại (hp @ rpm) | 188 / 6000 | 218 / 5500 |
| Mômen xoắn cực đại (Nm @ rpm) | 252 / 4000 | 300 / 2000 |
| Hộp số | 6AT | 8AT |
| Hệ thống dẫn động | 2 Cầu (AWD) | Cầu trước (FWD) |
| Hệ thống treo trước | Độc lập Mc Pherson | Độc Lập Mac Pherson |
| Hệ thống treo sau | Liên kết đa điểm | Bán Độc Lập |
| Hệ thống phanh trước | Đĩa | Đĩa |
| Hệ thống phanh sau | Đĩa | Đĩa |
| Thông số lốp xe | 225/55 R19 | 225/55 R18 |
| Tiêu thụ nhiên liệu đô thị (L/100km) | 10.27 | 9.74 |
| Tiêu thụ nhiên liệu ngoài đô thị (L/100km) | 6.75 | 6.31 |
| Tiêu thụ nhiên liệu hỗn hợp (L/100km) | 8.04 | 7.59 |
| Hệ thống dừng/Khởi động động cơ thông minh | ● | - |
| Chế độ lái | Normal / Sport | Eco/Normal/Sport |
| Trang bị khác | Hệ thống kiểm soát gia tốc nâng cao(GVC Plus) | |
| NGOẠI THẤT: | | |
| Cụm đèn trước | LED | Xenon |
| Đèn trước tự động bật/tắt | ● | ● |
| Đèn trước tự động chiếu xa/chiếu gần | ● | - |
| Đèn trước chức năng tự động cân bằng góc chiếu | ● | - |
| Đèn trước mở rộng góc chiếu | ● | ● |
| Đèn ban ngày LED | ● | ● |
| Đèn sương mù | LED | Halogen Projector |
| Cụm đèn sau | LED | Halogen |
| Gương chiếu hậu chỉnh điện, gập điện | Sấy Gương | ● |
| Gạt mưa tự động | ● | ● |
| Cửa sổ trời | ● | ● |
| NỘI THẤT - TIỆN NGHI: | | |

| | | |
|---|------------------|-------------|
| Vô lăng bọc da | ● | ● |
| Chất liệu ghế | Da | Da |
| Ghế người lái chỉnh điện | ● | ● |
| Ghế hành khách phía trước chỉnh điện | ● | ● |
| Kính cửa sổ chỉnh điện | ● | ● |
| Màn hình đồng hồ đa thông tin | Analog & Digital | Analog |
| Màn hình HUD | ● | ● |
| Màn hình giải trí trung tâm | 8" | AVN 7 |
| Kết nối Apple Carplay/Android Auto | ● | ● |
| Hệ thống điều hòa tự động | ● | ● |
| Số vùng khí hậu điều hòa | 2 | 2 |
| Cửa gió cho hàng ghế sau | ● | ● |
| Chìa khóa thông minh | ● | ● |
| Khởi động nút bấm | ● | ● |
| Hệ thống âm thanh | 10 loa Bose | |
| Lấy chuyển số | ● | ● |
| Phanh đỗ điện tử | ● | - |
| Giữ phanh tự động Autohold | ● | - |
| Đèn trang trí nội thất | - | ● |
| Móc khóa ghế trẻ em ISOFIX | ● | ● |
| AN TOÀN: | | |
| Số túi khí | 6 | 6 |
| Hệ thống chống bó cứng phanh ABS | ● | ● |
| Hệ thống phân phối lực phanh EBD | ● | ● |
| Hệ thống hỗ trợ phanh khẩn cấp BA | ● | ● |
| Hệ thống cảnh báo phanh khẩn cấp ESS | ● | - |
| Hệ thống cân bằng điện tử | ● | ● |
| Hệ thống kiểm soát lực kéo chống trượt TCS | ● | ● |
| Hệ thống hỗ trợ khởi hành ngang dốc HLA | ● | ● |
| Mã hóa chống sao chép chìa khóa | ● | |
| Hệ thống cảnh báo chống trộm | ● | |
| Cảm biến hỗ trợ đỗ xe | Trước & Sau | Trước & sau |
| Hệ thống cảnh báo điểm mù | ● | ● |
| Hệ thống cảnh báo phương tiện cắt ngang khi lùi | ● | - |
| Hệ thống cảnh báo lệch làn đường | ● | ● |
| Hệ thống hỗ trợ giữ làn đường | ● | - |
| Hệ thống hỗ trợ phanh chủ động | ● | - |
| Hệ thống điều khiển hành trình | MRCC Stop & Go | - |
| Camera lùi | ● (Camera 360) | ● |